TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST.
Ngày: 28/01/2021.
V/v:"Tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HÒN ĐẤT – TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Bình

2. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên tòa: Ông **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2020/TLST - DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về việc "*Tranh chấp hợp đồng bao tiêu sản phẩm*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

N đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm 1987; Ông **Trần Đình T**, sinh năm 1965; Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1985 và Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1982 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Bình Thuận, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG.

Bị đơn: **Công ty TNHH PNK**.

Địa chỉ: Tổ 2, ấp Bình Thuận, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG..

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm 1983 - chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp Bình Thuận, xã BS, huyện HĐ, tỉnh KG. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết N đơn trình bày như sau:*

Vào vụ Đông Xuân 2019 - 2020 tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang các ông Phạm Văn H, ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị D có ký kết hợp đồng liên kết sản suất và bao tiêu giống lúa Ngọc Hoàng (Thiên Đàng) với Công ty TNHH PNK do bà Nguyễn Thị Kim N làm đại diện. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty TNHH PNK sẽ cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học cho các hộ dân ký kết và sẽ thu mua lúa khi thu hoạch, giá lúa thỏa thuận theo từng hợp đồng cụ thể. Ngoài ra, hợp đồng còn quy định các điều khoản khác, hợp đồng được ký kết giữa các hộ dân với Công ty TNHH PNK cụ thể như sau:

Ông Phạm Văn H ký kết với Công ty TNHH PNK hợp đồng số 85/2019/HĐBT ngày 16/11/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty TNHH PNK cung cấp lúa giống và thuốc BVTV sinh học, diện tích 15 công tầm cắt; giá lúa thỏa thuận 7.000 đồng/kg đối với lúa sạ kể cả khi giá thị trường lên xuống. Thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH PNK đã cung cấp cho ông H 206 kg lúa giống với giá 29.500đồng/kg thành tiền 6.077.000đồng và thuốc BVTV sinh học là 3.420.000đồng; phía ông H đồng ý bán lúa cho Công ty đúng theo thỏa thuận, từ ngày 16/03/2020 đến ngày 18/03/2020 bà N cho nhân viên của Công ty đến ruộng thu mua lúa được 17.219 kg lúa với giá 7.000 đồng/kg thành tiền là 120.533.000 đồng. Đến ngày 19/4/2020 bà N có trả được số tiền 60.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 60.533.000đồng, rồi không trả nữa cho đến nay. Ông H đồng ý trừ tiền lúa giống, thuốc BVTV sinh học của Công ty là 9.497.000đồng nên số tiền mà Công ty còn nợ là 51.036.000đồng.

Ông Trần Đình T ký kết với Công ty TNHH PNK hợp đồng số 13/2019/HĐBT ngày 15/11/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học, diện tích 17 công tầm cắt, với giá 8.000 đồng/kg đối với lúa cấy kể cả khi giá thị trường lên xuống. Để thực hiện hợp đồng, Công ty TNHH PNK đã cung cấp lúa giống 102kg với giá 50.000đồng/kg thành tiền 5.100.000đồng và thuốc BVTV sinh học là 1.205.000đồng; phía ông T đồng ý bán lúa cho Công ty đúng theo thỏa thuận, đến ngày 13/03/2020 thì bà N cho nhân viên của Công ty đến ruộng cân lúa của ông T được 13.614 kg lúa, với giá 8.000 đồng/kg thành tiền là 108.912.000 đồng. Ngày 19/4/2020 bà N trả được cho ông T số tiền 45.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 63.912.000đồng, ông T đồng ý trừ tiền lúa giống, thuốc BVTV sinh học của Công ty

giao là 6.305.000đồng. Vì vậy, sau khi cấn trừ thì số tiền mà Công ty còn nợ của ông là 57.607.000đồng.

Ông Nguyễn Văn T1 ký kết với Công ty TNHH PNK hợp đồng số 86/2019/HĐBT ngày 16/11/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học, diện tích 43 công tầm cắt, với giá 7.000 đồng/kg đối với lúa sạ kể cả khi giá thị trường lên xuống. Cũng như các hợp đồng trên, Công ty TNHH PNK đã cung cấp lúa giống cho ông T1 là 420kg với giá 29.500đồng/kg thành tiền 12.390.000đồng và thuốc BVTV sinh học là 4.645.000đồng; phía ông T1 cũng đồng ý bán lúa cho Công ty đúng theo thỏa thuận, đến ngày 21/03/2020 thì bà N cho nhân viên của Công ty đến ruộng cân lúa của ông T1 được 36.637 kg với giá 7.000 đồng/kg thành tiền là 256.459.000 đồng. Sau khi cân lúa xong, bà N có trả được số tiền 95.000.000 đồng, số tiền này bà Nguyễn Thị H1 vợ ông T1 là người nhận cụ thể lần thứ 1 vào ngày 28/3/2020 nhận 80.000.000đồng có biên nhận; lần thứ 2 nhận 10.000.000đồng không làm biên nhận và sau đó nhận thêm 5.000.000 đồng vào ngày 16/5/2020 nên làm biên nhận của 02 lần nhận với số tiền 15.000.000đồng. Ông T1 đồng ý trừ tiền lúa giống, thuốc BVTV sinh học của Công ty giao là 17.035.000đồng và số tiền đã nhận 95.000.000đồng nên số tiền mà Công ty còn nợ của ông là 144.424.000đồng.

Bà Phạm Thị D ký kết với Công ty hợp đồng số 07/2019/HĐBT ngày 15/11/2019. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học, diện tích 35 công tầm cắt, với giá 8.000 đồng/01kg đối với lúa cấy kể cả khi giá thị trường lên xuống. Để thực hiện hợp đồng Công ty TNHH PNK đã cung cấp lúa giống 210kg với giá 50.000đồng/kg thành tiền 10.500.000đồng, không cung cấp thuốc BVTV sinh học; nhưng phía bà D cũng đồng ý bán lúa cho Công ty đúng theo thỏa thuận. Đến khi thu hoạch lúa thì bà N cho người của Công ty xuống đến ruộng cân lúa của bà D được 29.156 kg với giá 8.000 đồng/kg thành tiền là 233.248.000 đồng. Đến ngày 30/3/2020 bà N có trả được số tiền 70.000.000 đồng còn nợ lại số tiền là 163.248.000 đồng; bà D đồng ý trừ tiền lúa giống của Công ty giao cho bà là 10.500.000đồng. Vì vậy, sau khi cấn trừ thì số tiền mà Công ty còn nợ của bà D là 152.748.000đồng.

Tại phiên tòa; N đơn yêu cầu Công ty TNHH PNK - đại diện là bà Nguyễn Thị Kim N pH trả cho ông Phạm Văn H số tiền 51.036.000đồng, ông Trần Đình T số tiền

57.607.000đồng, ông Nguyễn Văn T1 số tiền 144.424.000đồng và bà Phạm Thị D số tiền 152.748.000đồng.

** Bị đơn Công ty TNHH PNK – Người đại diện bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Kim N thừa nhận Công ty TNHH PNK có ký kết hợp đồng liên kết sản suất và bao tiêu giống lúa Ngọc Hoàng (Thiên Đàng) đối với ông Phạm Văn H, ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị D. Cụ thể theo từng hợp đồng, các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, giá lúa, số lượng lúa Công ty thu mua của từng người đúng như phía N đơn trình bày. Tuy nhiên, trước khi cân lúa ông Lực là người thỏa thuận với người dân (trong đó, có ông H, ông T, ông T1 và bà D) về việc thu mua giá thấp hơn so với hợp đồng là 1.000đồng/kg và được người dân đồng ý nên Công ty mới thu mua lúa của các ông bà trên, việc chêch lệch giá này chỉ nói miệng với nhau chứ không lập thành văn bản. Bà N thừa nhận việc thỏa thuận này không có mặt bà, Công ty cũng không ủy quyền cho ông Lực.

Theo đó Công ty đã thu mua lúa của ông H được 17.219kg lúa, với giá 6.000 đồng/kg thành tiền là 103.314.000 đồng. Sau đó Công ty trả được 60.000.000 đồng và ông H còn nợ tiền lúa giống 6.077.000đồng và tiền thuốc BVTV sinh học là 3.420.000đồng nên sau khi cấn trừ thì Công ty còn nợ ông H là 33.817.000đồng.

Đối với ông T: Công ty đã thu mua lúa của ông T được 13.614kg lúa, với giá 7.000 đồng/kg thành tiền là 95.298.000 đồng. Công ty trả được 45.000.000 đồng và ông T còn nợ tiền lúa giống là 5.100.000đồng và tiền thuốc BVTV sinh học là 1.205.000đồng nên sau khi cấn trừ thì Công ty còn nợ của ông T là 43.993.000đồng.

Đối với ông T1: Công ty đã thu mua lúa của ông T1 được 36.637kg lúa, với giá 6.000 đồng/kg thành tiền là 219.822.000 đồng. Sau đó Công ty trả được 105.000.000 đồng (số tiền này bà H1 vợ ông T1 nhận 04 lần: lần đầu nhận 80.000.000đồng có biên nhận; lần thứ 2 nhận 10.000.000đồng không làm biên nhận; lần thứ 3 nhận thêm 10.000.000đồng không làm biên nhận và sau đó nhận thêm 5.000.000 đồng nên làm biên nhận của lần thứ 3 và thứ 4 với số tiền 15.000.000đồng) và ông T1 còn nợ tiền lúa giống là 12.390.000đồng và tiền thuốc BVTV sinh học là 4.645.000đồng nên sau khi cấn trừ thì Công ty còn nợ ông T1 là 97.787.000đồng.

Đối với bà D: Công ty đã thu mua lúa của bà D được 29.156kg lúa, với giá 7.000 đồng/kg thành tiền là 204.092.000 đồng. Sau đó Công ty trả được 70.000.000 đồng và bà D còn nợ tiền lúa giống 10.500.000đồng. Riêng khoản tiền thuốc BVTV sinh học là

5.307.000đồng thì bà D không nợ vì Công ty chưa giao thuốc nên sau khi cấn trừ thì Công ty còn nợ bà D là 193.592.000đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim N – Đại diện của Công ty TNHH PNK chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền 33.817.000đồng; ông T số tiền 43.993.000đồng, ông T1 số tiền 97.787.000đồng và bà D số tiền 193.592.000đồng nhưng khi nào Công ty Thiên Đàng trả nợ cho Công ty TNHH PNK thì Công ty sẽ trả hết nợ cho các ông bà nêu trên.

Theo bản tự khai đề ngày 18/12/2020 của ông Hoàng Vũ Lực trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị Kim N - Giám đốc Công ty TNHH PNK; Việc hợp đồng bao tiêu sản xuất lúa của Công ty TNHH PNK là do ban giám đốc của Công ty đứng ra ký kết với từng hộ dân và chịu trách nhiệm với từng hợp đồng khi xảy ra tranh chấp, còn ông thì không liên quan gì đến vụ việc trên nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 431 và Điều 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn, buộc Công ty TNHH PNK pH trả cho ông H số tiền 51.036.000đồng, ông T số tiền 57.607.000đồng, ông T1 số tiền 144.424.000đồng và bà D số tiền 152.748.000đồng; về yêu cầu tính lãi do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Công ty TNHH PNK còn pH chịu án phí dân sự theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự; mà bị đơn Công ty TNHH PNK có trụ sở tại huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa

án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Vào vụ Đông Xuân 2019 - 2020 tại ấp Bình Thuận, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang các ông bà Phạm Văn H, Trần Đình T, Nguyễn Văn T1 và Phạm Thị D có ký kết hợp đồng liên kết sản suất và bao tiêu giống lúa Ngọc Hoàng (Thiên Đàng) với Công ty TNHH PNK do bà Nguyễn Thị Kim N làm đại diện. Theo nội dung của hợp đồng thì Công ty cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học và khi thu hoạch lúa Công ty PNK sẽ mua lúa lại các ông bà theo đúng các điều khoản từng hợp đồng cụ thể. Do Công ty TNHH PNK chưa trả hết tiền mua lúa cho ông H, ông T, ông T1 và bà D nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao kết và thực hiện hợp đồng đều được các bên tự nguyện, thống nhất và không trái quy định của pháp luật nên hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực pháp luật.

Trong quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận thực hiện đúng nội dung của hợp đồng. Công ty TNHH PNK thực hiện việc cung cấp lúa giống, thuốc BVTV sinh học cho ông H, ông T, ông T1 và bà D; đồng thời các ông bà đã bán lúa cho Công ty theo thỏa thuận. Tuy nhiên, hai bên không thống nhất về giá lúa thu mua; theo bà N - đại diện của Công ty TNHH PNK cho rằng các N đơn đã đồng ý giảm 1.000 đồng/kg so với giá ký kết trong hợp đồng, việc giảm giá thông qua việc thỏa thuận giữa ông Lực với các N đơn; phía N đơn cho rằng việc mua bán lúa là giữa họ với Công ty TNHH PNK chứ không liên quan đến ông Lực vì vậy họ không thỏa thuận gì ông Lực; Mặc khác theo bản tự khai của ông Lực cũng thừa nhận rằng ông chỉ là chồng của bà N - người đại diện của Công ty TNHH PNK, còn việc mua bán lúa là giữa ông H, ông T, ông T1, bà D với Công ty TNHH PNK chứ không liên quan đến ông. Từ đó, việc bà N cho rằng N đơn có đồng ý giảm 1.000 đồng/kg so với giá ký kết trong hợp đồng là không có cơ sở.

Đối với số tiền mà ông T1 đã nhận: Theo bà N trình bày bà đã trả cho ông T1 số tiền 105.000.000 đồng, bà H1 là vợ của ông T1 nhận 04 lần: lần đầu nhận 80.000.000đồng có biên nhận; lần thứ 2 nhận 10.000.000đồng không làm biên nhận; lần thứ 3 nhận thêm 10.000.000đồng không làm biên nhận và sau đó nhận thêm

5.000.000 đồng và chỉ làm biên nhận của lần thứ 3 và thứ 4 với số tiền 15.000.000đồng).

Tại phiên tòa, bà H1 cho rằng bà chỉ nhận 03 lần với số tiền 95.000.000 đồng cụ thể lần đầu nhận 80.000.000đồng có biên nhận; lần thứ 2 nhận 10.000.000đồng không làm biên nhận và sau đó nhận thêm 5.000.000 đồng rồi làm biên nhận cả 02 lần với số tiền 15.000.000đồng, ngoài ra bà không nhận lần nào khác, ông T1 cũng thống nhất với ý kiến của bà H1; Như vậy khoản tiền 10.000.000 đồng theo bà N là trả lần thứ 2, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H1 đã nhận số tiền này, bà chỉ ghi vào sổ nhưng không có chữ ký của bà H1 và cũng không được bà H1 thừa nhận. Vì vậy, việc bà cho rằng bà có trả thêm số tiền 10.000.000đồng là không có căn cứ nên hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử buộc Công ty TNHH PNK - thông qua người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Kim N pH trả cho pH trả cho ông H số tiền 51.036.000đồng, ông T số tiền 57.607.000đồng, ông T1 số tiền 144.424.000đồng và bà D số tiền 152.748.000đồng.

[3] Đối với ông Hoàng Vũ Lực; Tại phiên tòa các bên đều xác nhận ông Lực không liên quan gì đến việc hai bên ký kết hợp đồng với nhau và N đơn cũng không yêu cầu ông Lực cùng có trách nhiệm trả số nợ trên cho các ông bà nên Tòa án không đưa ông Lực vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì Công ty PNK pH chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền pH trả cho ông H, ông T, ông T1 và bà D.

Ông H, ông T, ông T1 và bà D không pH chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, 431, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

T xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các ông Phạm Văn H, ông Trần Đình T, ông Nguyễn Văn T1 và bà Phạm Thị D.

Buộc Công ty TNHH PNK pH trả cho ông Phạm Văn H số tiền 51.036.000đồng (Năm mươi mốt triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng), ông Trần Đình T số tiền 57.607.000đồng (Năm mươi bảy triệu sáu trăm lẽ bảy nghìn đồng), ông Nguyễn Văn T1 số tiền 144.424.000đồng (Một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi bốn nghìn đồng) và bà Phạm Thị D số tiền 152.748.000đồng (Một trăm năm mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì người pH thi hành án còn pH chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong bản án này.

2/ Về án phí DSST: Buộc Công ty TNHH PNK pH chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 20.232.600đồng.

Hoàn trả cho ông Trần Đình T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.598.000đồng theo biên lai thu số 0001315 ; ông Nguyễn Văn T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.036.000đồng theo biên lai thu số 0001316; ông Phạm Văn H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.513.000đồng theo biên lai thu số 0001317 và bà Phạm Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.090.000đồng theo biên lai thu số 0001318 ngày 13/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất.

3/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- THA huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Hồng Điệp